



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3409.1969>

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỜNG MINH PHỤNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Đại Nghĩa<sup>1</sup> và Nguyễn Thị Bích Hằng<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Khoa Giáo dục chính trị và Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: [bichhang2089@gmail.com](mailto:bichhang2089@gmail.com)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 11/5/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 16/6/2026; Ngày duyệt đăng: 20/6/2026

### Tóm tắt

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại các trường tiểu học phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2026, với sự tham gia của 25 cán bộ quản lý và 75 giáo viên. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp phỏng vấn. Phiếu khảo sát được thiết kế theo thang đo 5 mức độ; kết quả được xử lý bằng điểm trung bình, độ lệch chuẩn và xếp thứ hạng. Nội dung khảo sát tập trung vào các khía cạnh cơ bản của công tác quản lý, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá. Kết quả nghiên cứu làm rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm hiện nay. Từ đó, bài viết cung cấp căn cứ thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông.

**Từ khóa:** Hoạt động trải nghiệm, học sinh tiểu học, quản lý giáo dục, trường tiểu học.

Trích dẫn: Trần, Đ. N., & Nguyễn, T. B. H. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(03S), 74-86. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3409.1969>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **CURRENT MANAGEMENT OF EXPERIENTIAL ACTIVITIES FOR STUDENTS IN PRIMARY SCHOOLS IN MINH PHUNG WARD, HO CHI MINH CITY**

**Tran Dai Nghia<sup>1</sup> and Nguyen Thi Bich Hang<sup>2\*</sup>**

<sup>1</sup>*Faculty of Political Education and Educational Management, School of Education,  
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*\*Corresponding author, Email: bichhang2089@gmail.com*

### **Article history**

*Received: 11/5/2026; Received in revised form: 16/6/2026; Accepted: 20/6/2026*

### **Abstract**

*The article reports the study findings on the current status of experiential activity management for primary school students in Minh Phung Ward, Ho Chi Minh City. Conducted from February to May 2026, the study involved 25 educational administrators and 75 teachers. Data were collected through questionnaire surveys and interviews. The questionnaire employed a five-point Likert scale, and the data were analyzed on mean scores, standard deviations, and ranking methods. The investigation included major management functions, including planning, implementation organization, directing, and monitoring and evaluation. The results reveal the strengths, limitations, and underlying factors affecting the management of experiential activities in primary schools. These findings provide an empirical foundation for proposing appropriate management measures aimed at improving the effectiveness of experiential activity implementation in the context of ongoing educational reform.*

**Keywords:** *Educational management, experiential activities, primary school students, primary schools.*

## **1. Giới thiệu**

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hoạt động trải nghiệm (HĐTN) là một bộ phận quan trọng của quá trình giáo dục học sinh (HS), góp phần hình thành phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bên cạnh đó, Luật Giáo dục năm 2019 xác định giáo dục là lĩnh vực chịu sự quản lý của Nhà nước, trong đó các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức hoạt động giáo dục nhằm phát triển người học một cách toàn diện. Mặt khác, theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông quy định các chương trình môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc là HĐTN ở cấp tiểu học, đồng thời triển khai theo lộ trình từ lớp 1 năm học 2020-2021 đến lớp 5 năm học 2024-2025. Đây là căn cứ quan trọng để các trường tiểu học xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra HĐTN phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục.

Bên cạnh đó, HĐTN được tiếp cận như một phương thức giáo dục lấy người học làm trung tâm, nhấn mạnh việc học thông qua hành động, tương tác, phản tư và vận dụng vào bối cảnh thực tế. Chan (2022) cho rằng đánh giá trong học tập trải nghiệm không chỉ đo lường kiến thức mà còn cần quan tâm đến năng lực toàn diện như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, hợp tác và thích ứng. Duchatelet & cs. (2024) nhấn mạnh môi trường học tập trải nghiệm có ý nghĩa khi tạo được tính xác thực, cho phép người học vận dụng kiến thức và kỹ năng vào các tình huống gần với đời sống. Archer & cs. (2026) cũng khẳng định việc thiết kế HĐTN cần dựa trên khung lý thuyết rõ ràng để bảo đảm hiệu quả học tập, thay vì chỉ tổ chức theo kinh nghiệm chủ quan.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy HĐTN ở tiểu học đã được quan tâm nhưng công tác quản lý còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Tác giả Nguyễn (2022) khảo sát 10 trường tiểu học tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với 33 cán bộ quản lý (CBQL) và 119 giáo viên (GV), chỉ ra cả ưu điểm và hạn chế trong tổ chức HĐTN. Bên cạnh đó nhóm tác giả Trần & Nguyễn (2023) nghiên cứu tại 7 trường tiểu học huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cho thấy công tác quản lý vẫn còn nhiều bất cập. Đồng thời, nghiên cứu của nhóm tác giả Vũ và Trần (2023) tiếp cận vấn đề tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, góp phần bổ sung minh chứng về quản lý HĐTN ở cấp tiểu học. Bên cạnh đó, nhóm tác giả Thiệu và Hà (2024) nghiên cứu tại Trường Tiểu học Lômônôxốp Mỹ Đình, Hà Nội còn gặp khó khăn trong thực tiễn tổ chức. Gần đây, nhóm tác giả Trần & cs. (2025) khảo sát 90 CBQL, GV tại ba trường tiểu học ở Đồng Tháp, khẳng định cần tiếp tục đề xuất biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng HĐTN.

Từ các nghiên cứu đã công bố cho thấy, quản lý HĐTN cho HS tiểu học là vấn đề đang được nhiều nhà khoa học giáo dục quan tâm trong bối cảnh đổi mới Giáo dục phổ thông. Các công trình của Thiệu và Hà (2024), Trần và Nguyễn (2023), Vũ và Trần (2023), Trần & cs. (2025) đã tập trung khảo sát thực trạng quản lý HĐTN ở một số địa bàn như Hà Nội, Bình Phước, Bạc Liêu, Đồng Tháp. Kết quả nghiên cứu nhìn chung cho thấy HĐTN ở trường tiểu học có vai trò quan trọng trong việc hình thành phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS. Tuy nhiên, công tác quản lý hoạt động này vẫn còn những hạn chế nhất định ở các khâu như xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, phối hợp các lực lượng giáo dục, kiểm tra, đánh giá và bảo đảm các điều kiện phục vụ HĐTN.

Các nghiên cứu trên đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nhìn nhận, đánh giá công tác quản lý HĐTN trong nhà trường tiểu học. Tuy nhiên, mỗi địa phương, mỗi đơn vị trường học có điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm đội ngũ GV, HS, cơ sở vật chất, môi trường giáo dục và yêu cầu quản lý khác nhau. Đặc biệt, phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh là địa bàn đô thị có những đặc điểm riêng về quy mô trường lớp, điều kiện tổ chức giáo dục, nhu cầu phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức HĐTN cho HS tiểu học. Vì vậy, không thể áp dụng một cách máy móc kết quả nghiên cứu ở các địa phương khác vào thực tiễn quản lý HĐTN tại địa bàn này.

Xuất phát từ yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, HĐTĐN ở cấp tiểu học cần được tổ chức thường xuyên, có mục tiêu rõ ràng, nội dung phù hợp, hình thức phong phú và gắn với thực tiễn đời sống của HS. Để hoạt động này đạt hiệu quả, công tác quản lý của hiệu trưởng và đội ngũ CBQL nhà trường giữ vai trò quyết định trong việc định hướng, tổ chức, điều phối, kiểm tra và đánh giá quá trình thực hiện. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần nhận diện điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của công tác quản lý hiện nay, từ đó làm cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức HĐTĐN cho HS tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Thiết kế nghiên cứu**

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả nhằm khảo sát thực trạng quản lý HĐTĐN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá các nội dung quản lý cơ bản, gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra - đánh giá và quản lý các điều kiện tổ chức HĐTĐN cho HS tiểu học. Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp định lượng thông qua phiếu khảo sát theo thang đo 5 mức độ và phương pháp định tính thông qua phỏng vấn nhằm bổ sung, làm rõ kết quả khảo sát, từ đó nhận diện điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân trong công tác quản lý hiện nay.

### **2.2. Khách thể khảo sát**

Khách thể khảo sát là CBQL và GV ở các trường tiểu học phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu nghiên cứu gồm 100 người, được chọn theo phương pháp thuận tiện có chủ đích, ưu tiên các đối tượng trực tiếp tham gia quản lý và tổ chức HĐTĐN cho HS. Trong đó, có 25 CBQL và 75 GV. Đây là những lực lượng có vai trò trực tiếp trong quá trình triển khai HĐTĐN ở nhà trường, bảo đảm tính phù hợp và độ tin cậy trong việc thu thập dữ liệu về thực trạng quản lý hoạt động này tại địa bàn nghiên cứu.

### **2.3. Công cụ thu thập dữ liệu**

Công cụ thu thập dữ liệu chính là phiếu khảo sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, tương ứng với các mức: 1 = Kém, 2 = Yếu, 3 = Trung bình, 4 = Khá, 5 = Tốt, nhằm đánh giá thực trạng quản lý HĐTĐN trong nhà trường tiểu học. Nội dung phiếu khảo sát tập trung vào năm nhóm vấn đề: lập kế hoạch HĐTĐN; tổ chức HĐTĐN; chỉ đạo HĐTĐN; kiểm tra, đánh giá HĐTĐN. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phỏng vấn để thu thập thêm ý kiến của một số CBQL và GV, qua đó làm rõ hơn các kết quả thu được từ phiếu khảo sát.

### **2.4. Quy trình thu thập dữ liệu**

Việc thu thập dữ liệu được thực hiện từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2026 tại các trường tiểu học trên địa bàn phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi khảo sát, người nghiên cứu giới thiệu mục đích nghiên cứu, hướng dẫn cách trả lời phiếu và bảo đảm tính tự nguyện, khách quan của người tham gia. Phiếu khảo sát được gửi đến CBQL và GV, sau đó thu lại để kiểm tra, tổng hợp và xử lý. Hoạt động phỏng vấn được tiến hành sau khảo sát nhằm bổ sung thông tin, làm rõ những biểu hiện nổi bật, khó khăn và nguyên nhân trong quá trình quản lý HĐTĐN.

### **2.5. Xử lý và phân tích dữ liệu**

Dữ liệu khảo sát được tổng hợp và xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả. Các chỉ số được sử dụng gồm điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và thứ hạng (TH) nhằm đánh giá mức độ thực hiện từng nội dung quản lý. ĐTB được phân loại theo thang đo 5 mức với khoảng cách đều  $(5-1)/5=0,80$ , cụ thể: Mức 1 (Kém):  $1,00 \leq \text{ĐTB} < 1,80$ ; Mức 2 (Yếu):  $1,80 \leq \text{ĐTB} < 2,60$ ; Mức 3 (Trung bình):  $2,60 \leq \text{ĐTB} < 3,40$ ; Mức 4 (Khá):  $3,40 \leq \text{ĐTB} < 4,20$ ;

Mức 5 (Tốt):  $4,20 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$ . Kết quả định lượng được đối chiếu với thông tin phỏng vấn để phân tích thực trạng, xác định điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân, làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức HĐTN cho HS tiểu học.

### 3. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học ở Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh

#### 3.1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học

Để đánh giá thực trạng lập kế hoạch HĐTN cho HS tiểu học ở các trường tiểu học phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu tiến hành khảo sát 25 CBQL và 75 GV. Kết quả khảo sát được xử lý theo thang đo 5 mức độ, tính ĐTB, ĐLC và xếp TH. Kết quả cụ thể được trình bày ở Bảng 1.

**Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực trạng lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học**

TT	Nội dung	GV			CBQL		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Xác định mục tiêu HĐTN phù hợp với mục tiêu giáo dục cấp tiểu học của nhà trường	3,62	0,61	2	3,84	0,55	1
2	Căn cứ chương trình giáo dục phổ thông hiện hành để xây dựng kế hoạch HĐTN của nhà trường	3,54	0,66	3	3,76	0,58	2
3	Xác định rõ nội dung, hình thức, thời gian và tiến trình tổ chức HĐTN của nhà trường	3,71	0,59	1	3,68	0,62	3
4	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBQL, GV và các lực lượng tham gia HĐTN của nhà trường	3,39	0,70	5	3,52	0,64	5
5	Bảo đảm kế hoạch HĐTN phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu và điều kiện thực tế của HS tiểu học của nhà trường	3,28	0,73	6	3,44	0,67	6
6	Dự kiến các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất, kinh phí, nhân lực và phương án phối hợp trong tổ chức HĐTN của nhà trường	3,47	0,68	4	3,60	0,63	4
<b>ĐTB chung</b>		<b>3,50</b>			<b>3,64</b>		

Kết quả khảo sát Bảng 1 cho thấy, nội dung này được CBQL và GV đánh giá ở mức khá. Cụ thể, ĐTB chung của nhóm GV là 3,50 và nhóm CBQL là 3,64. Đối chiếu với thang đo 5 mức, các giá trị này đều thuộc mức 4 - mức khá, cho thấy công tác lập kế hoạch HĐTN đã được các nhà trường quan tâm triển khai, bước đầu bảo đảm yêu cầu quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học.

Ở nhóm GV, nội dung được đánh giá cao nhất là “Xác định rõ nội dung, hình thức, thời gian và tiến trình tổ chức HĐTN của nhà trường” với ĐTB = 3,71, xếp thứ 1. Kết quả này cho thấy GV nhận thấy kế hoạch HĐTN đã thể hiện tương đối rõ các thành tố cơ bản, thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện. Tiếp đến là nội dung “Xác định mục tiêu HĐTN phù hợp với mục tiêu giáo dục cấp tiểu học của nhà trường” với ĐTB = 3,62, xếp thứ 2. Trong khi đó, nội dung có ĐTB thấp nhất là “Bảo đảm kế hoạch HĐTN phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu và điều kiện thực tế của HS tiểu học của nhà trường” với ĐTB = 3,28, xếp thứ 6, thuộc mức trung bình. Điều này phản ánh việc xây dựng kế hoạch tuy đã được thực hiện nhưng mức

độ cá thể hóa, sát với nhu cầu, đặc điểm HS và điều kiện thực tế của từng lớp, từng trường còn hạn chế.

Ở nhóm CBQL, nội dung được đánh giá cao nhất là “Xác định mục tiêu HĐTN phù hợp với mục tiêu giáo dục cấp tiểu học của nhà trường” với ĐTB = 3,84, xếp thứ 1. Nội dung “Căn cứ chương trình giáo dục phổ thông hiện hành để xây dựng kế hoạch HĐTN của nhà trường” đạt ĐTB = 3,76, xếp thứ 2. Kết quả này cho thấy CBQL đánh giá khá tích cực việc xác định mục tiêu và căn cứ xây dựng kế hoạch. Tuy nhiên, tương tự nhóm GV, nội dung được đánh giá thấp nhất cũng là “Bảo đảm kế hoạch HĐTN phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu và điều kiện thực tế của HS tiểu học của nhà trường” với ĐTB = 3,44, xếp thứ 6. Mặc dù vẫn thuộc mức khá, điểm số này cho thấy đây là khâu cần tiếp tục được chú trọng trong quá trình lập kế hoạch.

So sánh giữa hai nhóm khách thể cho thấy, CBQL có xu hướng đánh giá cao hơn GV ở hầu hết các nội dung khảo sát. ĐTB chung của CBQL cao hơn GV 0,14 điểm. Sự chênh lệch này xuất phát từ vị trí, vai trò và mức độ tham gia khác nhau trong quá trình xây dựng kế hoạch. CBQL thường tham gia trực tiếp vào việc định hướng, phê duyệt và điều hành kế hoạch, trong khi GV là lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện nên có điều kiện nhận diện rõ hơn những khó khăn về thời gian, cơ sở vật chất, kinh phí, nhân lực và sự phù hợp với HS.

Về ĐLC, kết quả khảo sát dao động từ 0,59 đến 0,73 ở nhóm GV và từ 0,55 đến 0,67 ở nhóm CBQL. Các giá trị này không quá lớn, cho thấy ý kiến đánh giá của các đối tượng khảo sát tương đối tập trung, mức độ phân tán không cao. Tuy nhiên, một số nội dung như phân công nhiệm vụ, bảo đảm sự phù hợp với đặc điểm HS và dự kiến các điều kiện bảo đảm có ĐLC cao hơn, phản ánh sự khác biệt nhất định trong nhận thức và trải nghiệm thực tế giữa các trường, các vị trí công tác.

Kết quả phỏng vấn cũng góp phần làm rõ thêm thực trạng trên. CBQL01 cho rằng: “Nhà trường đã xây dựng kế hoạch HĐTN theo năm học, có căn cứ vào chương trình giáo dục phổ thông và điều kiện thực tế của đơn vị; tuy nhiên, việc cụ thể hóa kế hoạch cho từng khối lớp, từng chủ đề đôi khi còn chưa thật sát với nhu cầu của HS”. CBQL02 cho biết: “Khó khăn lớn nhất trong lập kế hoạch là dự kiến nguồn lực thực hiện, nhất là kinh phí, cơ sở vật chất và sự phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường. Một số hoạt động phải điều chỉnh trong quá trình triển khai do điều kiện thực tế chưa đáp ứng đầy đủ”.

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn ta nhận định rằng, công tác lập kế hoạch HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng đã được thực hiện tương đối nền nếp, có căn cứ vào mục tiêu giáo dục cấp tiểu học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch vẫn còn một số hạn chế, nhất là ở khâu bảo đảm sự phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu của HS và điều kiện thực tế của nhà trường. Do đó, trong thời gian tới, các trường cần tăng cường khảo sát nhu cầu HS, cụ thể hóa kế hoạch theo từng khối lớp, đồng thời chủ động dự kiến nguồn lực và phương án phối hợp nhằm nâng cao tính khả thi, hiệu quả của HĐTN.

### 3.2. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học

**Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học**

TT	Nội dung	GV			CBQL		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Triển khai kế hoạch HĐTN đến GV, HS và các lực lượng liên quan một cách kịp thời do nhà	3,62	0,58	2	3,76	0,51	1

trường đảm trách							
2	Tổ chức thực hiện các HĐTN đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và yêu cầu đã xác định trong kế hoạch do nhà trường chỉ đạo	3,55	0,61	3	3,68	0,55	2
3	Phân công GV chủ động tổ chức HĐTN gắn với nội dung giáo dục và thực tiễn đời sống do CBQL nhà trường thực hiện	3,41	0,66	5	3,52	0,60	4
4	Đa dạng hóa hình thức tổ chức HĐTN nhằm tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực do GV và nhà trường phối hợp thực hiện	3,36	0,64	6	3,44	0,57	5
5	Huy động sự phối hợp của cha mẹ HS và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN do nhà trường chủ trì	3,47	0,69	4	3,40	0,62	6
6	Bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, không gian và thời gian tổ chức HĐTN ở mức phù hợp do nhà trường quản lí	3,68	0,56	1	3,60	0,58	3
<b>ĐTB chung</b>		<b>3,52</b>		<b>3,57</b>			

Kết quả khảo sát thực trạng công tác tổ chức HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy nội dung này được đánh giá ở mức khá. ĐTB chung của GV là 3,52 và của CBQL là 3,57. Theo thang đo 5 mức, các giá trị này đều thuộc mức 4, cho thấy công tác tổ chức HĐTN đã được các nhà trường quan tâm triển khai và bước đầu đáp ứng yêu cầu quản lí.

Xét theo từng nội dung, GV đánh giá cao nhất ở nội dung “*Bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, không gian và thời gian tổ chức HĐTN ở mức phù hợp do nhà trường quản lí*” với ĐTB = 3,68, xếp thứ 1. Trong khi đó, CBQL đánh giá cao nhất nội dung “*Triển khai kế hoạch HĐTN đến GV, HS và các lực lượng liên quan một cách kịp thời do nhà trường đảm trách*” với ĐTB = 3,76, xếp thứ 1. Kết quả này cho thấy các trường đã chú trọng việc chuẩn bị điều kiện tổ chức và phổ biến kế hoạch HĐTN đến các lực lượng liên quan, tạo cơ sở cho quá trình triển khai hoạt động trong thực tiễn.

Ở chiều ngược lại, nội dung được GV đánh giá thấp nhất là “*Đa dạng hóa hình thức tổ chức HĐTN nhằm tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực do GV và nhà trường phối hợp thực hiện*” với ĐTB = 3,36, thuộc mức trung bình. Đối với CBQL, nội dung có ĐTB thấp nhất là “*Huy động sự phối hợp của cha mẹ HS và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN do nhà trường chủ trì*” với ĐTB = 3,40, tiệm cận mức khá nhưng vẫn thấp nhất trong nhóm nội dung khảo sát. Điều này phản ánh rằng việc đổi mới hình thức tổ chức HĐTN và huy động các lực lượng ngoài nhà trường còn chưa thật sự đồng đều, hiệu quả chưa cao.

So sánh giữa hai nhóm khách thể cho thấy CBQL có xu hướng đánh giá cao hơn GV ở hầu hết các nội dung, thể hiện qua ĐTB chung của CBQL là 3,57, cao hơn ĐTB chung của GV là 3,52. Tuy nhiên, mức chênh lệch không lớn, cho thấy nhận định của hai nhóm tương đối thống nhất. Riêng nội dung huy động sự phối hợp của cha mẹ HS và các lực lượng xã hội, GV đánh giá cao hơn CBQL, cho thấy GV ghi nhận rõ hơn sự hỗ trợ trực tiếp từ phụ huynh trong một số hoạt động cụ thể.

Độ lệch chuẩn của các nội dung dao động từ 0,56 đến 0,69 đối với GV và từ 0,51 đến 0,62 đối với CBQL. Các giá trị này không quá lớn, chứng tỏ ý kiến đánh giá của các đối tượng

khảo sát có sự tập trung tương đối, mức độ phân tán không cao. Tuy nhiên, một số nội dung như huy động sự phối hợp của cha mẹ HS và các lực lượng xã hội có ĐLC cao hơn, cho thấy vẫn còn sự khác biệt nhất định trong nhận thức và trải nghiệm thực tế giữa các trường, các lớp hoặc các đối tượng tham gia.

Kết quả phỏng vấn cũng góp phần làm rõ thêm thực trạng trên. CBQL03 cho biết nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch HĐTN theo năm học, có phân công nhiệm vụ cho GV và các bộ phận liên quan, song việc tổ chức đôi khi còn phụ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất, thời gian và sự phối hợp của phụ huynh. CBQL04 cho rằng GV đã tích cực thực hiện HĐTN theo kế hoạch, nhưng hình thức tổ chức chưa thật phong phú; một số hoạt động còn thiên về triển khai trong phạm vi lớp học, chưa khai thác nhiều nguồn lực từ cộng đồng.

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn ta kết luận rằng công tác tổ chức HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng đã được thực hiện ở mức khá, thể hiện ở việc kế hoạch được triển khai kịp thời, hoạt động được tổ chức theo mục tiêu và điều kiện thực hiện cơ bản được bảo đảm. Tuy nhiên, thực trạng cũng cho thấy một số hạn chế cần quan tâm, đặc biệt là việc đa dạng hóa hình thức tổ chức, tăng cường sự tham gia tích cực của HS và huy động hiệu quả hơn sự phối hợp của cha mẹ HS, các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN.

### 3.3. Thực trạng công tác chỉ đạo hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học

**Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực trạng chỉ đạo hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học**

TT	Nội dung	GV			CBQL		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Triển khai kế hoạch HĐTN đến GV, HS và các lực lượng liên quan do nhà trường thực hiện	3,68	0,62	2	3,92	0,54	1
2	Chỉ đạo tổ chức HĐTN bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và yêu cầu của kế hoạch do nhà trường thực hiện	3,55	0,66	3	3,76	0,59	3
3	Phân công GV tổ chức HĐTN gắn với nội dung giáo dục và thực tiễn đời sống do nhà trường thực hiện	3,42	0,71	4	3,68	0,61	4
4	Hướng dẫn GV đa dạng hóa hình thức tổ chức HĐTN nhằm tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực do nhà trường chỉ đạo	3,37	0,73	5	3,60	0,65	5
5	Huy động sự phối hợp của cha mẹ HS và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN do nhà trường chủ trì	3,74	0,60	1	3,84	0,56	2
<b>ĐTB chung</b>		<b>3,55</b>			<b>3,76</b>		

Kết quả khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng được đánh giá ở mức khá. Cụ thể, ĐTB chung của GV là 3,55 và của CBQL là 3,76, đều nằm trong khoảng  $3,41 \leq \text{ĐTB} < 4,20$  theo thang đo 5 mức. Điều này cho thấy các nhà trường đã quan tâm chỉ đạo triển khai HĐTN, bước đầu bảo đảm mục tiêu, nội dung và sự phối hợp của các lực lượng giáo dục.

Ở nhóm GV, nội dung được đánh giá cao nhất là “Huy động sự phối hợp của cha mẹ HS và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN do nhà trường chủ trì”, với ĐTB = 3,74, xếp thứ 1. Ở nhóm CBQL, nội dung được đánh giá cao nhất là “Triển khai kế hoạch HĐTN đến

GV, HS và các lực lượng liên quan do nhà trường thực hiện”, với ĐTB = 3,92, xếp thứ 1. Kết quả này cho thấy nhà trường đã chú trọng phổ biến kế hoạch và huy động các lực lượng tham gia, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức HĐTN trong thực tiễn.

Tuy nhiên, nội dung có ĐTB thấp nhất ở cả hai nhóm là “*Hướng dẫn GV đa dạng hóa hình thức tổ chức HĐTN nhằm tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực do nhà trường chỉ đạo*”. ĐTB của GV là 3,37, xếp thứ 5, thuộc mức trung bình; ĐTB của CBQL là 3,60, xếp thứ 5, thuộc mức khá. Điều này phản ánh việc chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức HĐTN còn chưa thật sự đồng đều; một số hoạt động vẫn còn thiên về hình thức quen thuộc, chưa phát huy tối đa tính chủ động, tích cực của HS.

So sánh giữa hai nhóm khách thể cho thấy CBQL có xu hướng đánh giá cao hơn GV ở tất cả các nội dung khảo sát. ĐTB chung của CBQL cao hơn GV 0,21 điểm. Sự chênh lệch này cho thấy CBQL nhìn nhận công tác chỉ đạo ở góc độ xây dựng và điều hành kế hoạch, trong khi GV là lực lượng trực tiếp thực hiện nên có đánh giá sát hơn với những khó khăn trong quá trình tổ chức. DLC của các nội dung dao động từ 0,60 đến 0,73 ở nhóm GV và từ 0,54 đến 0,65 ở nhóm CBQL, cho thấy ý kiến khảo sát tương đối tập trung, không có sự phân tán quá lớn. Tuy nhiên, DLC ở nhóm GV cao hơn, phản ánh mức độ thực hiện HĐTN giữa các lớp, các GV còn có sự khác biệt nhất định.

Kết quả phỏng vấn cũng góp phần làm rõ thêm thực trạng trên. CBQL05 cho rằng nhà trường đã ban hành và triển khai kế hoạch HĐTN theo từng chủ điểm, tuy nhiên việc hướng dẫn GV thiết kế các hình thức tổ chức mới còn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân của từng GV. CBQL06 nhận định sự phối hợp của cha mẹ HS và các lực lượng xã hội đã có chuyển biến tích cực, song chưa thật sự thường xuyên; một số hoạt động còn gặp khó khăn về thời gian, kinh phí và điều kiện tổ chức.

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn ta kết luận rằng công tác chỉ đạo HĐTN cho HS tiểu học phường Minh Phụng đã đạt mức khá, thể hiện ở việc triển khai kế hoạch, tổ chức thực hiện và huy động phối hợp các lực lượng giáo dục. Tuy nhiên, hạn chế nổi bật là việc chỉ đạo GV đa dạng hóa hình thức tổ chức HĐTN chưa thật sự hiệu quả. Vì vậy, các nhà trường cần tiếp tục tăng cường hướng dẫn chuyên môn, bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN cho GV, đồng thời mở rộng sự phối hợp với cha mẹ HS và các lực lượng xã hội nhằm nâng cao chất lượng HĐTN cho HS.

### 3.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học

**Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học**

TT	Nội dung	GV			CBQL		
		ĐTB	DLC	TH	ĐTB	DLC	TH
1	Xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá HĐTN rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc điểm HS tiểu học của nhà trường	3,63	0,61	2	3,84	0,52	2
2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch HĐTN một cách thường xuyên, có hệ thống của nhà trường	3,71	0,58	1	3,92	0,49	1
3	Đánh giá mức độ đạt mục tiêu, chất lượng tổ chức hoạt động và sự tham gia của HS trong HĐTN của nhà trường	3,49	0,66	3	3,68	0,57	3

TT	Nội dung	GV		CBQL	
		ĐTB	ĐLC TH	ĐTB	ĐLC TH
4	Vận dụng nhiều hình thức đánh giá kết quả HĐTN của HS phù hợp với đặc điểm lứa tuổi tiểu học của nhà trường	3,36	0,72 5	3,52	0,63 5
5	Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để rút kinh nghiệm, điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch HĐTN của nhà trường	3,41	0,69 4	3,60	0,60 4
<b>ĐTB chung</b>		<b>3,52</b>		<b>3,71</b>	

Kết quả khảo sát thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy nội dung này được đánh giá ở mức khá. ĐTB chung của GV là 3,52, của CBQL là 3,71. Căn cứ thang đo 5 mức, cả hai nhóm khách thể đều nằm trong khoảng mức 4 - Khá. Điều này cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN đã được các nhà trường quan tâm triển khai, tuy nhiên mức độ thực hiện chưa thật sự đồng đều và vẫn còn một số nội dung cần tiếp tục cải thiện.

Trong các nội dung khảo sát, nội dung “*Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch HĐTN một cách thường xuyên, có hệ thống của nhà trường*” có ĐTB cao nhất ở cả hai nhóm: GV đạt 3,71, xếp thứ 1; CBQL đạt 3,92, xếp thứ 1. Kết quả này phản ánh các trường đã chú trọng kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch HĐTN, bảo đảm hoạt động được triển khai theo tiến độ và yêu cầu đã đề ra. Nội dung “*Xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá HĐTN rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc điểm HS tiểu học của nhà trường*” cũng được đánh giá tương đối cao, với ĐTB của GV là 3,63 và của CBQL là 3,84, đều xếp thứ 2. Điều này cho thấy việc xác lập tiêu chí kiểm tra, đánh giá đã được quan tâm, tạo cơ sở cho quá trình theo dõi và nhận xét kết quả hoạt động.

Ngược lại, nội dung có ĐTB thấp nhất là “*Vận dụng nhiều hình thức đánh giá kết quả HĐTN của HS phù hợp với đặc điểm lứa tuổi tiểu học của nhà trường*”, với ĐTB của GV là 3,36, xếp thứ 5, thuộc mức trung bình; CBQL đạt 3,52, xếp thứ 5, thuộc mức khá. Kết quả này cho thấy việc đa dạng hóa hình thức đánh giá còn hạn chế, chưa thật sự phát huy được các hình thức đánh giá phù hợp với đặc điểm HS tiểu học như quan sát, nhận xét, sản phẩm hoạt động, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Bên cạnh đó, nội dung “*Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để rút kinh nghiệm, điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch HĐTN của nhà trường*” đạt ĐTB chưa cao, với GV là 3,41 và CBQL là 3,60, cho thấy việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động vẫn cần được tăng cường.

So sánh giữa hai nhóm khách thể cho thấy CBQL có xu hướng đánh giá cao hơn GV ở tất cả các nội dung khảo sát. ĐTB chung của CBQL cao hơn GV 0,19 điểm. Sự chênh lệch này xuất phát từ vị trí, vai trò và góc nhìn khác nhau: CBQL nhìn nhận ở bình diện chỉ đạo, điều hành chung, trong khi GV là người trực tiếp tổ chức hoạt động nên nhận thấy rõ hơn những khó khăn trong quá trình đánh giá HS. ĐLC của các nội dung dao động từ 0,58 đến 0,72 ở nhóm GV và từ 0,49 đến 0,63 ở nhóm CBQL. Các giá trị này không quá lớn, cho thấy ý kiến đánh giá của các khách thể tương đối tập trung; tuy nhiên, ĐLC của GV cao hơn CBQL ở một số nội dung, phản ánh nhận định của GV có sự phân tán hơn do điều kiện tổ chức và kinh nghiệm thực hiện HĐTN ở từng lớp khác nhau.

Kết quả phỏng vấn cũng góp phần làm rõ thêm thực trạng trên. CBQL07 cho rằng: “*Nhà trường đã quan tâm kiểm tra việc thực hiện kế hoạch HĐTN, nhất là về tiến độ, nội dung và sự tham gia của GV, HS; tuy nhiên, tiêu chí đánh giá ở một số hoạt động vẫn cần cụ thể hơn*”

để thuận lợi cho GV khi thực hiện”. CBQL08 nhận xét: “GV đã có ý thức đánh giá HS sau HĐTN, nhưng hình thức đánh giá còn chưa phong phú, chủ yếu dựa vào quan sát và nhận xét chung, chưa khai thác nhiều sản phẩm học tập hoặc tự đánh giá của HS”.

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn ta kết luận rằng công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HS tiểu học ở phường Minh Phụng đã được triển khai ở mức khá, nhất là ở việc kiểm tra thực hiện kế hoạch và xây dựng tiêu chí đánh giá. Tuy nhiên, hạn chế chủ yếu là hình thức đánh giá chưa đa dạng, việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch hoạt động chưa thật sự thường xuyên và hiệu quả. Do đó, các nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện tiêu chí đánh giá, tăng cường hướng dẫn GV vận dụng linh hoạt các hình thức đánh giá phù hợp với HS tiểu học, đồng thời sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá như một căn cứ quan trọng để nâng cao chất lượng quản lý và tổ chức HĐTN.

### **3.5. Đánh giá chung về thực trạng**

#### *3.5.1. Điểm mạnh*

*Một là*, công tác quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng đã được các nhà trường quan tâm triển khai trên cả bốn chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy ĐTB chung của các nội dung đều đạt mức khá, phản ánh HĐTN đã được đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường và bước đầu thực hiện tương đối nền nếp.

*Hai là*, công tác lập kế hoạch HĐTN đã bám sát mục tiêu giáo dục cấp tiểu học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Kế hoạch cơ bản xác định được mục tiêu, nội dung, hình thức và thời gian tổ chức, tạo cơ sở để GV triển khai trong thực tiễn. Đây là tiền đề quan trọng giúp HĐTN được tổ chức có định hướng, tránh tình trạng tự phát hoặc thiếu thống nhất.

*Ba là*, công tác tổ chức HĐTN đã được triển khai tương đối kịp thời. Nhà trường đã phổ biến kế hoạch đến GV, HS và các lực lượng liên quan; nhiều hoạt động được thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng. Điều này cho thấy các trường đã có sự chủ động nhất định trong việc đưa HĐTN vào thực tiễn giáo dục HS tiểu học.

*Bốn là*, công tác chỉ đạo của ban giám hiệu được thực hiện khá thường xuyên. Nhà trường đã quan tâm định hướng GV tổ chức HĐTN theo mục tiêu giáo dục, đồng thời chú trọng phối hợp giữa GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội và cha mẹ HS. Đây là yếu tố góp phần nâng cao tính liên kết giữa các lực lượng giáo dục trong quá trình tổ chức hoạt động.

*Năm là*, công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN đã bước đầu được thực hiện. Nhà trường có kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, xây dựng tiêu chí đánh giá và tổ chức rút kinh nghiệm sau hoạt động. Điều này giúp ban giám hiệu nắm bắt tình hình triển khai, phát hiện khó khăn và có căn cứ để điều chỉnh hoạt động trong thời gian tiếp theo.

#### *3.5.2. Điểm yếu*

*Thứ nhất*, mặc dù công tác lập kế hoạch đã được quan tâm, song tính cụ thể và tính khả thi của kế hoạch chưa thật cao. Một số kế hoạch còn chưa thể hiện rõ sự phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu, hứng thú và điều kiện thực tế của HS tiểu học. Đây là tiêu chí có ĐTB thấp trong cả hai nhóm khảo sát, cho thấy việc cá thể hóa kế hoạch theo từng khối lớp, từng nhóm HS còn hạn chế.

*Thứ hai*, việc phân công nhiệm vụ cho các lực lượng tham gia HĐTN còn có lúc chưa cụ thể. Sự phối hợp giữa CBQL, GV, Tổng phụ trách Đội, cha mẹ HS và các lực lượng ngoài nhà trường chưa thật đồng bộ. Điều này làm cho quá trình tổ chức một số hoạt động còn phụ

thuộc nhiều vào GV, chưa phát huy đầy đủ vai trò của các lực lượng giáo dục.

*Thứ ba*, hình thức tổ chức HĐTN chưa thật sự phong phú. Một số hoạt động còn thiên về thực hiện theo kế hoạch chung, chưa tạo được nhiều cơ hội để HS phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo. Việc gắn HĐTN với thực tiễn đời sống, đặc điểm địa phương và nhu cầu phát triển năng lực của HS chưa đồng đều giữa các lớp, các khối.

*Thứ tư*, điều kiện bảo đảm cho HĐTN còn hạn chế. Cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí, không gian và thời gian tổ chức hoạt động chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, quy mô và mức độ đa dạng của HĐTN trong nhà trường tiểu học.

*Thứ năm*, công tác kiểm tra, đánh giá tuy được thực hiện nhưng chưa thật sự đi vào chiều sâu. Việc đánh giá HS sau HĐTN còn chưa đa dạng về hình thức; kết quả kiểm tra, đánh giá chưa được sử dụng thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch và cải tiến hoạt động một cách hệ thống.

### *3.5.3. Hạn chế*

*Thứ nhất*, nhận thức và cách tiếp cận trong quản lý HĐTN giữa CBQL và GV còn có sự khác biệt nhất định. Kết quả khảo sát cho thấy CBQL thường đánh giá cao hơn GV ở hầu hết các nội dung. Điều này phản ánh khoảng cách giữa góc nhìn quản lý, điều hành chung với thực tiễn tổ chức hoạt động tại lớp học. GV là người trực tiếp triển khai nên nhận thấy rõ hơn những khó khăn về thời gian, nguồn lực, hình thức tổ chức và mức độ tham gia của HS.

*Thứ hai*, công tác lập kế hoạch chưa thật sự gắn chặt với điều kiện thực tế của từng trường, từng khối lớp và từng đối tượng HS. Một số kế hoạch còn mang tính khái quát, chưa cụ thể hóa đầy đủ mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức, lực lượng phối hợp và điều kiện bảo đảm. Do đó, khi triển khai trong thực tiễn, GV vẫn phải điều chỉnh nhiều nội dung cho phù hợp.

*Thứ ba*, việc huy động các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường còn hạn chế. Sự tham gia của cha mẹ HS, cộng đồng và các tổ chức xã hội chưa thường xuyên, chưa tạo thành cơ chế phối hợp ổn định. Điều này làm giảm tính mở, tính thực tiễn và tính xã hội hóa của HĐTN.

*Thứ tư*, năng lực tổ chức HĐTN của một bộ phận GV chưa đồng đều. Một số GV còn lúng túng trong lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và công cụ đánh giá phù hợp với HS tiểu học. Việc hỗ trợ GV tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện tuy đã được quan tâm nhưng chưa thật sự kịp thời và hiệu quả.

*Thứ năm*, công tác kiểm tra, đánh giá còn thiên về kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, chưa chú trọng đầy đủ đến đánh giá mức độ hình thành phẩm chất, năng lực của HS thông qua HĐTN. Hệ thống tiêu chí đánh giá còn có nội dung mang tính định tính, chưa cụ thể theo từng loại hình hoạt động; việc sử dụng kết quả đánh giá để rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch chưa đồng bộ giữa các khối lớp.

Từ những điểm mạnh, điểm yếu và hạn chế trên khẳng định rằng, quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng đã đạt được những kết quả bước đầu, song hiệu quả quản lý chưa thật sự đồng đều và bền vững. Các vấn đề về lập kế hoạch, phối hợp lực lượng, điều kiện bảo đảm, năng lực tổ chức của GV và kiểm tra, đánh giá cần tiếp tục được quan tâm nhằm nâng cao chất lượng HĐTN cho HS tiểu học.

## **4. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh đã được quan tâm triển khai tương đối đầy đủ trên các phương

diện: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Kết quả khảo sát đối với 25 CBQL và 75 GV cho thấy các nội dung quản lý đều đạt mức khá; trong đó, CBQL có xu hướng đánh giá cao hơn GV ở hầu hết các tiêu chí. Điều này phản ánh sự thống nhất tương đối trong nhận định về vai trò của HĐTN, đồng thời cho thấy vẫn còn khoảng cách nhất định giữa công tác quản lý ở cấp nhà trường và thực tiễn tổ chức hoạt động tại lớp học.

Nhìn chung, các trường đã xây dựng kế hoạch HĐTN bám sát mục tiêu giáo dục cấp tiểu học và Chương trình giáo dục phổ thông 2018; kế hoạch cơ bản xác định được mục tiêu, nội dung, hình thức và thời gian tổ chức. Công tác tổ chức HĐTN được triển khai tương đối kịp thời, có sự phổ biến kế hoạch đến GV, HS và các lực lượng liên quan. Ban giám hiệu các nhà trường đã quan tâm chỉ đạo GV thực hiện hoạt động theo mục tiêu giáo dục, đồng thời bước đầu chú trọng phối hợp giữa GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội và cha mẹ HS. Công tác kiểm tra, đánh giá cũng đã được tiến hành, nhất là kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và tổ chức rút kinh nghiệm sau hoạt động.

Tuy nhiên, thực trạng quản lý HĐTN vẫn còn một số hạn chế. Việc lập kế hoạch chưa thật sự cụ thể theo đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu và điều kiện thực tế của HS; sự phân công nhiệm vụ và phối hợp giữa các lực lượng giáo dục có lúc chưa rõ ràng, chưa đồng bộ. Hình thức tổ chức HĐTN chưa thật phong phú; việc huy động cha mẹ HS, cộng đồng và các lực lượng xã hội còn hạn chế. Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí, không gian và thời gian tổ chức chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Công tác kiểm tra, đánh giá còn thiên về theo dõi việc thực hiện kế hoạch, chưa chú trọng đầy đủ đến đánh giá mức độ hình thành phẩm chất, năng lực của HS; việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh kế hoạch chưa được thực hiện thường xuyên và hệ thống.

Từ những kết quả trên khẳng định, quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học phường Minh Phụng đã đạt được những kết quả bước đầu, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông. Tuy vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động này, các nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện công tác lập kế hoạch theo hướng cụ thể, khả thi; tăng cường bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN cho GV; mở rộng sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; bảo đảm tốt hơn các điều kiện tổ chức; đồng thời đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng HĐTN cho HS tiểu học trên địa bàn nghiên cứu.

### **Tài liệu tham khảo**

- Archer, R. M., Wagner, M., & Snell, L. (2026). A theoretical framework for experiential learning: Creating Active Knowledge Experiences (CAKE). *Advances in Health Sciences Education*. <https://doi.org/10.1007/s10459-026-10508-0>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*. <https://moet.gov.vn/content/vanban/Lists/VBPQ/Attachments/1301/TT%2032.2018%20CTGDPT.pdf>
- Chan, C. K. Y. (2022). *Assessment for experiential learning* (1st ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781003018391>
- Duchatelet, D., Cornelissen, F., & Volman, M. (2024). Features of experiential learning environments in relation to generic learning outcomes in higher education: A scoping review. *Journal of Experiential Education*, 47(3), 476-507. <https://doi.org/10.1177/10538259231211537>
- Nguyễn, V. C. (2022). Experiential learning activities for elementary students at schools in District 7, Ho Chi Minh City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of*

- Science*, 19(11), 1941-1954. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.19.11.3608\(2022\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.19.11.3608(2022))
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=197310&pageid=27160>
- Thiều, T. T. H., & Hà, M. H. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm ở Trường Tiểu học Lômnônốp Mỹ Đình, Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. *Tạp Chí Giáo dục*, 24(số đặc biệt 4), 145-150. Truy vấn từ <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/2018>
- Trần, Đ. N., & Nguyễn, T. H. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(02S), 216-228. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.02S.2023.1098>
- Trần, V. T., Trần, Đ. N., & Nguyễn, T. C. T. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường tiểu học ở xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(08S), 130-139. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.08S.2025.1746>
- Vũ, T. S., & Trần, Đ. N. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(04S), 167-178. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.04S.2023.1192>